

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Văn Vi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Văn Thạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bộ	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Thạnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/6/2008)
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/6/2008)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Văn Thạnh
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản cố định hữu hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Trong năm 2008, Công ty thực hiện đánh giá lại và thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định. Việc thay đổi này làm cho chi phí khấu hao tài sản năm 2008 được phản ánh trong khoản mục Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và khoản mục Giá trị hao mòn lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008 tăng thêm với số tiền khoảng 8,1 tỷ đồng. Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của việc Công ty thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản nên không đưa ý kiến về ảnh hưởng của việc thay đổi này đến các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày ở trên.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế đến ngày 31/12/2008 của Công ty bao gồm toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà phát sinh trong năm 2008 với số tiền khoảng 8,2 tỷ đồng và lũy kế đến ngày 31/12/2008 khoảng 9,9 tỷ đồng. Khoản chi phí này nằm trong dự toán và tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh đã được phê duyệt. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 3 - Tài sản cố định hữu hình, các chi phí quản lý hành chính, chi phí sản xuất chung, chi phí khác... nếu không liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng thì không được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng để xác nhận các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản cố định nên chúng tôi không đưa ý kiến về khoản chi phí này trình bày tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tại ngày 31/12/2008 cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2009

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0929 /KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		687.565.073.190	567.180.959.326
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	89.616.330.369	86.847.404.974
1. Tiền	111		47.616.330.369	86.847.404.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.000.000.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.005.478.082	197.975.336.426
1. Phải thu khách hàng	131		81.184.849.116	151.810.548.861
2. Trả trước cho người bán	132		256.599.095.793	42.843.090.840
3. Các khoản phải thu khác	135	5	8.612.652.505	6.020.312.735
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.391.119.332)	(2.698.616.010)
III- Hàng tồn kho	140		243.655.983.725	244.180.723.564
1. Hàng tồn kho	141	6	243.655.983.725	244.180.723.564
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		12.287.281.014	38.177.494.362
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.590.386.904	12.425.937.597
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	10.157.800
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	696.894.110	25.741.398.965
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		334.812.696.502	222.396.169.355
I- Tài sản cố định	220		322.404.782.566	220.989.323.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	148.557.695.421	176.946.308.289
- Nguyên giá	222		298.649.674.265	296.272.608.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.091.978.844)	(119.326.300.217)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	173.847.087.145	44.043.014.742
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.000.000.000	1.000.000.000
III- Tài sản dài hạn khác	260		11.407.913.936	406.846.324
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.084.548.301	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	1.323.365.635	406.846.324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.022.377.769.692	789.577.128.681

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		663.797.073.621	615.725.126.014
I- Nợ ngắn hạn	310		342.218.300.379	492.056.560.769
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	251.464.249.657	422.665.591.751
2. Phải trả người bán	312		37.279.434.936	15.440.409.650
3. Người mua trả tiền trước	313		6.613.609.806	20.843.648.517
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	23.846.966.854	7.123.803.821
5. Phải trả người lao động	315		3.027.756.919	2.260.716.523
6. Chi phí phải trả	316		4.456.395.631	14.025.525.256
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10.092.046.003	8.728.347.016
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	15	5.437.840.573	968.518.235
II- Nợ dài hạn	330		321.578.773.242	123.668.565.245
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	320.929.492.501	123.476.809.627
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	17	326.743.428	2.126.570
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		322.537.313	189.629.048
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		269.461.636.371	173.852.002.667
I- Vốn chủ sở hữu	410		269.084.221.630	173.247.016.825
1. Vốn điều lệ	411	18	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	131.940.000	131.940.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.502.982.837	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	2.315.236.152	154.546.794
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	2.503.617.365	1.407.990.383
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	112.630.445.276	21.552.539.648
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		377.414.741	604.985.842
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		291.797.075	513.903.176
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		85.617.666	91.082.666
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		89.119.059.700	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		1.022.377.769.692	789.577.128.681

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2007
1. Vật tư, hàng hoá nhận gia công	68.365.632.000	-

Hưng Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết DungNguyễn Hoàng NgânTrần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÃ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.716.456.968.046	1.480.008.616.176
2. Các khoản giảm trừ	02	19	7.248.713.831	11.198.953.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.709.208.254.215	1.468.809.662.857
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.453.951.753.773	1.356.602.467.118
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		255.256.500.442	112.207.195.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.781.860.528	2.204.503.665
7. Chi phí tài chính	22	22	78.921.978.446	55.374.914.944
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.313.067.600	54.516.585.386
8. Chi phí bán hàng	24		25.074.935.328	19.795.333.517
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.924.211.129	13.237.549.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		144.117.236.067	26.003.901.886
11. Thu nhập khác	31		7.549.354.813	545.335.241
12. Chi phí khác	32		135.012.092	973.025.284
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31-32)	40	23	7.414.342.721	(427.690.043)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		151.531.578.788	25.576.211.843
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	20.913.035.965	3.508.308.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(591.902.453)	155.363.963
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		131.210.445.276	21.912.539.648
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	8.747	1.662

Hưng Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÃ UB 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	151.531.578.788	25.576.211.843
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	31.878.931.844	26.561.552.126
- Các khoản dự phòng	03	6.161.825.660	3.790.397.795
- Lỗi, (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.747.821.272	(17.295.555)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.440.809.749)	(684.813.166)
- Chi phí lãi vay	06	52.313.067.600	54.516.585.386
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	241.192.415.415	109.742.638.429
- Giảm các khoản phải thu	09	115.801.991.759	98.952.917.106
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	524.739.839	(105.712.719.859)
- (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.120.983.778)	(1.969.387.809)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(84.548.301)	9.683.980.857
- Tiền lãi vay đã trả	13	(53.759.379.794)	(52.839.109.486)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.815.934.217)	(3.090.952.823)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	539.800.000	7.906.240.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.498.181.001)	(4.746.885.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	269.779.919.922	57.926.721.165
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(345.351.537.785)	(35.201.816.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	334.428.762	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.727.913.012	684.813.166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(340.289.196.011)	(35.517.003.610)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	77.753.399.700	36.161.840.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.388.159.028.601	1.342.271.085.868
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.362.814.462.639)	(1.392.003.209.452)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.820.406.162)	(240.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	73.277.559.500	(13.570.523.584)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.768.283.411	8.839.193.971
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	86.847.404.974	77.993.947.244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	641.984	14.263.759
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	89.616.330.369	86.847.404.974

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thông tin bổ sung

Tiền trả trước cho người bán trong năm 2008 để phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản với giá trị khoảng 232 tỷ đồng được phản ánh vào khoản mục Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ trong phần Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư.

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm 2008 không bao gồm số tiền khoảng 21 tỷ đồng, là số tiền dùng để chi cho hoạt động xây dựng cơ bản phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tại công ty con trong năm 2008 với số tiền khoảng 77 tỷ đồng được phản ánh vào khoản mục Tiền thu từ phát hành cổ phiếu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Hưng Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 20/02/2004, thay đổi lần 9 ngày 01/03/2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2008 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Đà Nẵng.

Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2008 bao gồm Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà. Mô tả chi tiết về công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2008 là 389 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt-Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ $\phi 6$ - $\phi 8$ và thép thanh từ D10 đến D40.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con với Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10	5 - 35
Máy móc, thiết bị	10	5 - 12
Thiết bị văn phòng	4	3 - 4
Phương tiện vận tải	8	6 - 10

Trong năm 2008, Công ty thực hiện đánh giá lại và thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định. Ban Giám đốc Công ty tin rằng thời gian khấu hao đánh giá lại này là phù hợp hơn với tình hình sử dụng thực tế của tài sản và cũng phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ quan thuế. Việc thay đổi này làm cho chi phí khấu hao tài sản trong năm 2008 tăng thêm với số tiền khoảng 8,1 tỷ đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị Thương hiệu Sông Đà và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6868 BKH/DN ngày 11/10/2001 và Công văn số 4763 BKH/PTDN ngày 30/07/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm theo điều kiện ưu đãi đối với doanh nghiệp thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán (Công ty dự kiến sẽ áp dụng mức ưu đãi trong năm 2008 và 2009). Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm từ 2006 đến năm 2009.

Theo Quyết định số 721/QĐ-UB ngày 07/04/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép của Công ty được ưu đãi cấp lại 10% phần thuế giá trị gia tăng mà Ngân sách thành phố được hưởng từ số thuế giá trị gia tăng mà Công ty đã nộp Ngân sách thành phố trong 02 năm đầu và 5% trong 02 năm tiếp theo, kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	5.414.152.168	2.121.675.342
Tiền gửi ngân hàng	39.253.409.201	74.725.729.632
Tiền đang chuyển	2.948.769.000	10.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	42.000.000.000	-
	89.616.330.369	86.847.404.974

(*): Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu khác	4.612.652.505	2.020.312.735
	8.612.652.505	6.020.312.735

(*) Tiền góp vốn của cán bộ công nhân viên Công ty (ủy quyền cho Công ty) để đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí. Số tiền này tương ứng với số tiền Công ty nhận được đang phản ánh trên khoản mục Các khoản phải trả, phải nộp khác.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.009.649.639	53.804.449.819
Nguyên liệu, vật liệu	172.465.303.865	112.679.446.476
Công cụ, dụng cụ	196.114.243	73.475.245
Thành phẩm	56.931.643.581	72.213.256.392
Hàng gửi đi bán	3.053.272.397	5.410.095.632
	243.655.983.725	244.180.723.564

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	29.806.200
Tạm ứng	696.894.110	849.467.637
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	24.862.125.128
	696.894.110	25.741.398.965

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện
Yên Mỹ Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2008	52.554.654.108	232.411.723.701	632.003.426	10.674.227.271	296.272.608.506
Tăng trong năm	-	-	61.275.884	4.243.161.689	4.304.437.573
Mua trong năm			48.961.170	1.121.203.657	1.170.164.827
Đầu tư XD CB hoàn thành			12.314.714	3.121.958.032	3.134.272.746
Giảm trong năm	-	-	379.979.615	1.547.392.199	1.927.371.814
Thanh lý, nhượng bán			379.979.615	1.547.392.199	1.927.371.814
Số dư tại 31/12/2008	52.554.654.108	232.411.723.701	313.299.695	13.369.996.761	298.649.674.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2008	11.065.714.006	103.515.022.156	505.766.536	4.239.797.519	119.326.300.217
Tăng trong năm	6.090.313.357	24.397.553.196	66.027.532	1.417.624.331	31.971.518.416
Khấu hao trong năm	6.090.313.357	24.397.553.196	66.027.532	1.417.624.331	31.971.518.416
Giảm trong năm	-	-	379.979.615	825.860.174	1.205.839.789
Thanh lý, nhượng bán	-	-	379.979.615	825.860.174	1.205.839.789
Số dư tại 31/12/2008	17.156.027.363	127.912.575.352	191.814.453	4.831.561.676	150.091.978.844
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2008	35.398.626.745	104.499.148.349	121.485.242	8.538.435.085	148.557.695.421
Tại 31/12/2007	41.488.940.102	128.896.701.545	126.236.890	6.434.429.752	176.946.308.289

Tại ngày 31/12/2008, giá trị còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng là 125.571.645.967 đồng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 01 tháng 01	44.043.014.742	14.624.338.096
Tăng	132.938.345.149	33.422.643.391
Kết chuyển sang tài sản cố định	3.134.272.746	4.003.966.745
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	173.847.087.145	44.043.014.742

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2008 của Công ty chủ yếu là giá trị công trình đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép tại thành phố Hải Phòng công suất 400.000 tấn/năm, với tổng mức đầu tư điều chỉnh là 964.523.152.987 đồng, trong đó 80% tổng vốn đầu tư tài sản cố định trước thuế được vay từ các ngân hàng thương mại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang (bao gồm toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà phát sinh trong năm 2008 với số tiền khoảng 8,2 tỷ đồng, lũy kế đến 31/12/2008 khoảng 9,9 tỷ đồng và chi phí ban quản lý dự án lũy kế đến ngày 31/12/2008) được tập hợp theo từng hạng mục đến ngày 31/12/2008 và cho đến khi hoàn thành dự án sẽ không vượt quá dự toán và tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2008	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	Hải Phòng	51%	110.160.000.000	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa.

Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà trước đây là Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng, là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý, do Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đầu tư 100% vốn. Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng tiếp nhận vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý để tiếp tục thực hiện dự án xây dựng Nhà máy thổi thép công suất 400.000 tấn/năm ở Hải Phòng. Nghị quyết số 02 CT/NQ-HĐQT ngày 18/3/2008 của ĐHCĐ bất thường bằng cách xin ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã thông qua phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, kết hợp tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, trong đó, Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý sẽ nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2008 của Công ty là khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí theo Quyết định số 555 CT/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý ngày 25/09/2007. Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý với tư cách là cổ đông sáng lập, góp vốn theo tỷ lệ 1% vốn điều lệ, tương đương là 5 tỷ đồng, tương ứng với số lượng cổ phần đăng ký là 500.000 cổ phần, bao gồm 1 tỷ đồng là vốn góp của Công ty và 4 tỷ đồng là số tiền cán bộ công nhân viên Công ty ủy quyền cho Công ty góp vốn (xem thêm Thuyết minh số 5).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 1 tháng 1	-	12.604.379.325
Tăng trong năm (*)	10.084.548.301	1.938.471.413
Phân bổ vào chi phí trong năm		14.542.850.738
Tại ngày 31 tháng 12	10.084.548.301	-

(*): Trong đó bao gồm giá trị Thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2008 của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (công ty con của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý) với giá trị bằng 5% vốn điều lệ ban đầu của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, tương đương 10 tỷ đồng. Giá trị này được xác định căn cứ vào thỏa thuận hợp đồng sử dụng Nhân hiệu hàng hóa Sông Đà giữa Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà và Tổng Công ty Sông Đà. Giá trị này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Phố Nối	89.338.630.287	92.200.039.096
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Nam Hà Nội	-	39.227.837.240
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	128.925.023.816	174.329.731.285
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Hưng Yên	-	42.978.873.237
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên	-	30.303.923.871
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	43.625.187.022
Ngân hàng Công thương Hưng Yên	33.200.595.554	-
	251.464.249.657	422.665.591.751

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ chuyển đổi khác, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Các khoản vay này không có bảo đảm.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.076.195.983	3.466.527.921
Thuế xuất, nhập khẩu	4.690.595.479	115.624.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.605.409.980	3.508.308.232
Thuế thu nhập cá nhân	957.510.461	12.800.000
Các loại thuế khác	2.515.458.151	9.363.539
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.796.800	11.179.736
	23.846.966.854	7.123.803.821

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Khoản dự phòng phải trả tại thời điểm 31/12/2008 phản ánh các khoản chi phí dự kiến Công ty phải thanh toán cho các khoản công nợ có gốc ngoại tệ, được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa tỷ giá thực tế dự kiến phải trả và tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận này là phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2001/HĐ ngày 28/08/2001. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần đến 30/10/2011. Lãi suất cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của Ngân hàng cộng (+) 2%/năm.	46.805.290.936	62.505.290.936
Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số DHDN01/2004/VIS ngày 01/01/2005. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần, mỗi lần 4.004.125.000 đồng cho đến khi hết gốc vay. Lãi suất cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bình quân của Ngân hàng cộng (+) 2,4%/năm.		7.778.899.578
Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng bổ sung với Ngân hàng Công thương Hưng Yên sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD giữa Ngân hàng Công thương Hưng Yên và Công ty Sông Đà 12. Nợ gốc khoản vay này sẽ được thanh toán 6 tháng một lần đến 11/9/2011. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này thay đổi hàng năm và được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) 3,5%/năm. Hợp đồng tín dụng số 300054100-02/HĐTD/Vietinbank-VIS tháng 11/2008 vay vốn đầu tư trạm khí hoá than thay thế dầu FO.	42.241.508.921	53.192.619.113
Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007 để đầu tư cho dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép ở Hải Phòng như trình bày tại Thuyết minh số 9.	231.882.692.644	-
	<u>320.929.492.501</u>	<u>123.476.809.627</u>

Các khoản vay dài hạn đều được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Đối với khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007, ngoài việc Bên vay phải thế chấp toàn bộ nhà máy sản xuất phôi thép của Dự án, Bên vay còn phải thế chấp quyền sử dụng đất nơi nhà máy sản xuất phôi thép tọa lạc và toàn bộ máy móc thiết bị, xe cộ, các công trình xây dựng và các bất động sản, động sản khác nằm trên hay liên quan đến nhà máy sản xuất phôi thép của Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên vay, bao gồm cả quyền được nhận số tiền bảo hiểm từ tài sản này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	36.878.000.000	36.036.726.541
Trong năm thứ hai	29.100.000.000	29.661.448.692
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	47.074.509.394	57.778.634.394
Sau năm năm	207.876.983.107	-
	<u>320.929.492.501</u>	<u>123.476.809.627</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2008	400.902.591	3.817.163	404.719.754
Kết chuyển sang lợi nhuận kinh doanh trong năm	127.241.958	464.660.495	591.902.453
Tại ngày 31/12/2008	528.144.549	468.477.658	996.622.207

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(326.743.428)	(2.126.570)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.323.365.635	406.846.324
	996.622.207	404.719.754

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2007	100.000.000.000	-	1.177.436.685	835.990.383	13.977.210.109
Góp vốn bằng tiền	36.029.900.000	131.940.000	-	-	-
Góp vốn bằng cổ tức năm 2006	10.000.000.000	-	-	-	(10.000.000.000)
Chia cổ phiếu thưởng	3.970.100.000	-	(3.970.100.000)	-	-
Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	21.912.539.648
Trích lập các quỹ	-	-	2.947.210.109	572.000.000	(4.337.210.109)
Tại ngày 31/12/2007	150.000.000.000	131.940.000	154.546.794	1.407.990.383	21.552.539.648
Trích lập các quỹ năm 2007	-	-	3.663.672.195	1.095.626.982	(6.552.539.648)
Thông báo cổ tức năm 2007	-	-	-	-	(15.000.000.000)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	131.210.445.276
Thông báo cổ tức đợt 1 năm 2008	-	-	-	-	(15.000.000.000)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2008	-	-	-	-	(3.580.000.000)
Mua sắm TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.502.982.837)	-	-
Tại ngày 31/12/2008	150.000.000.000	131.940.000	2.315.236.152	2.503.617.365	112.630.445.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(*) Vốn điều lệ bao gồm phần vốn góp giá trị Thương hiệu Sông Đà của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định bằng 5% vốn điều lệ trong suốt thời gian hoạt động của Công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Giá trị “Thương hiệu Sông Đà” được chuyển đổi từ khoản nợ Công ty phải trả Tổng Công ty Sông Đà để sử dụng nhãn hiệu hàng hóa của Tổng Công ty Sông Đà theo Hợp đồng Sử dụng nhãn hiệu hàng hóa Tổng Công ty Sông Đà được ký với Tổng Công ty Sông Đà ngày 15/11/2005 với số tiền là 5 tỷ đồng.

b. Cổ tức và các quỹ

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2008, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2007, chi tiết như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	1.095.626.982
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.153.240.471
Bổ sung Quỹ đầu tư phát triển	3.663.672.195
Trả cổ tức (10%)	15.000.000.000
Cộng	21.912.539.648
Số đã tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2007	(360.000.000)
Số còn phải phân phối	21.552.539.648

- Theo Quyết định số 139/QĐ-HĐQT ngày 21/11/2008, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã phê duyệt phương án trả cổ tức đợt 1 năm 2008 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 10%.
- Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2008 với số tiền 3.580.000.000 đồng.

c. Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2008	31/12/2007
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu thưởng</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. DOANH THU

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	1.660.475.746.187	1.480.008.616.176
Doanh thu hoạt động gia công	55.981.221.859	-
	1.716.456.968.046	1.480.008.616.176
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	6.278.698.396	11.198.734.919
Giảm giá hàng bán	624.354.935	218.400
Hàng bán bị trả lại	345.660.500	-
	7.248.713.831	11.198.953.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.426.378.043.573	1.356.602.467.118
Giá vốn của hoạt động gia công	27.573.710.200	-
	1.453.951.753.773	1.356.602.467.118

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.827.913.012	684.813.166
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	236.722.574	1.339.690.499
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.690.019.301	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	27.205.641	180.000.000
	6.781.860.528	2.204.503.665

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền vay	52.313.067.600	54.516.585.386
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.464.283.751	858.329.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.437.840.573	-
Lãi ký quỹ thanh toán	706.786.522	-
	78.921.978.446	55.374.914.944

(*) Lãi tiền vay trong năm được giảm trừ số tiền từ khoản ưu đãi hỗ trợ lãi suất đầu tư với giá trị là 5.705.421.000 đồng theo Hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số 07/2004/HĐ/HTLS ngày 28/12/2004 với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hưng Yên. Trong năm 2007, khoản hỗ trợ này là 4.704.319.000 đồng.

23. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thu nhập khác (*)	7.549.354.813	545.335.241
Chi phí khác	135.012.092	973.025.284
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	7.414.342.721	(427.690.043)

(*) Theo Nghị quyết số 02 CT/NQ-HDQT ngày 18/3/2008 của ĐHCĐ bất thường bằng cách xin ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần thép Việt-Ý, trong phần vốn góp 51% tại Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý bao gồm vốn tài sản đầu tư của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Công ty TNHH MTV Luyện thép Hải Phòng đã được đánh giá lại tăng lên 4.600.000.000 đồng dựa trên kết quả làm tròn số theo Chứng thư thẩm định giá số 2462/TĐG-CT ngày 20/12/2007 của Trung tâm Thẩm định giá - Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch đánh giá tăng thêm với số tiền 4.600.000.000 đồng này vào khoản mục thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	151.531.578.788	25.576.211.843
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: + Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.028.956.730	2.490.254.019
+ Lãi chưa thực hiện	3.165.226.531	
Thu nhập chịu thuế	155.725.762.049	28.066.465.862
Thuế suất thông thường	12,5%	12,5%
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm 2007	1.447.295.791	
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008	20.913.035.965	3.508.308.232
Thuế thu nhập hoãn lại (xem thêm Thuyết minh 17)	(591.902.453)	155.363.963
Cộng	20.321.133.512	3.663.672.195

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	131.210.445.276	21.912.539.648
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	13.185.205
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	8.747	1.662

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	690.804.517	513.447.334
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	329.712.971	329.712.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	873.906.971	873.906.971
Sau năm thứ năm	2.799.402.529	3.129.115.500
Cộng	4.003.022.471	4.332.735.442

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho các hợp đồng thuê chủ yếu sau:

Tổng số tiền thuê 77.742 m² tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên để xây dựng nhà máy cán thép theo Hợp đồng thuê đất 10/HĐ-TĐ ngày 30/3/2001 với Sở Địa chính Hưng Yên với thời hạn thuê 35 năm kể từ ngày 01/03/2001. Theo đó, đơn giá thuê đất là 1.750 đồng/m²/năm.

Tiền thuê cho văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội với đơn giá thuê mặt bằng là 30.000.000 đồng /tháng.

Tiền thuê cho văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng với đơn giá thuê mặt bằng là 4.000.000 đồng /tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Trong năm, Công ty đã ký kết các hợp đồng để thực hiện công trình “Trạm khí hóa than” với tổng số tiền cam kết của các hợp đồng là khoảng 38 tỷ đồng, trong đó số tiền ứng trước cho nhà thầu là khoảng 3,8 tỷ đồng. Đối với dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phôi thép tại Hải Phòng, đến ngày 31/12/2008, Công ty đã ký hợp đồng cam kết mua máy móc, trang thiết bị và các hợp đồng xây dựng với các nhà thầu với tổng trị giá khoảng 625 tỷ đồng, trong đó số còn phải thanh toán là khoảng 303 tỷ đồng.

28. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 32 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Sông Đà 5	37.454.370.090	16.761.885.990
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	1.434.075.802	2.680.285.330
Xí nghiệp Sông Đà 12-5	-	3.180.386.589
Công ty Sông Đà 7	48.618.778.259	25.956.446.948
Công ty Sông Đà 6	7.332.385.550	5.785.588.145
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	2.718.041.370	11.595.616.666
Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp số 12	14.794.099.902	17.671.280.790
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	15.733.134.900	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	4.347.540.506	-
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	9.552.276.798	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	11.920.230.537	-
Chi nhánh Công ty Sông Đà 9.08	5.347.862.208	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	4.124.447.750	-
Ban điều hành thủy điện Sơn La	26.127.550.417	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Sông Đà	-	3.728.803.073

Chính sách giá bán cho các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Sông Đà 7	15.954.124.772	20.538.010.262
Công ty Sông Đà 5	12.272.817.032	12.230.366.856
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	8.094.520.105	4.216.741.180
Công ty Cổ phần Cơ giới & Xây lắp số 12	2.903.092.553	5.340.594.538
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	146.056.561	3.433.154.809
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	5.029.890.638	-
Chi nhánh Công ty Sông Đà 9.08	1.017.508.679	-
Các bên liên quan khác	5.964.092.927	11.362.959.623
Các khoản phải trả		
Công ty Sông Đà 12	773.124.761	773.124.761
Tổng Công ty Sông Đà	42.291.719	378.006.269
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.056.271.449	770.069.827

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán.